

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 10 (HẠ)

Kế đến dẫn ra kinh Vô Lượng Nghĩa để chứng minh. Văn kinh nói “Ta dùng Phật nhãn quán sát tất cả pháp, không thể tuyên nói, vì sao? Vì tánh, dụng của chúng sanh bất đồng, tánh dụng bất đồng nên mới nói nhiều loại pháp; văn từ là một nhưng nghĩa khác biệt, nghĩa khác cho nên chúng sanh hiểu khác, do hiểu khác nên đạt được pháp, được quả, được đạo cũng khác. Ban đầu nói Tứ đế là vì hạng người cầu Thanh văn nhưng khiến tám ức chư Thiên đi đến nghe pháp liền phát khởi tâm Bồ-đề. Ở khoảng giữa, nơi nơi đều nói mười hai nhân duyên rất thâm sâu là vì người cầu Bích chi Phật. Kế đến nói Phương Đẳng, mười hai bộ kinh, Ma-ha-bát-nhã, biển không của Hoa Nghiêm cho các Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành mà khiến trăm nghìn Tỳ-kheo, vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ-đề, hoặc trụ bậc Thanh văn vạn ức trời người đạt được Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán, hoặc trụ Bích chi Phật”. “Dùng Phật nhãn quán sát tất cả pháp” tức là pháp Đốn nói trước. Tứ đế, mười hai nhân duyên tức là Tiệm giáo. Nếu nương vào văn này tức đã nói xong Tam tạng giáo. Kế đến nói về Phương Đẳng, mười hai bộ kinh. Sở dĩ tiếp theo tiểu thừa nói đại thừa là vì Phật vốn xưa trao truyền giáo đại thừa. Tuy nhiên vì chúng sanh không kham nhận nổi nên rút đại thừa mà nêu ra tiểu thừa khiến đoạn trừ kiết để thành Thánh. Tuy có lợi ích này nhưng chẳng phải “bản hoài” của Phật. Kế đến nói kinh “Phương Đẳng, Duy Ma, Tư Ích, Ương quật ma la” chê trách tiểu thừa sai lệch bảo thủ quả của mình, chê sự sai trái của Ta, tạng giáo đoạn diệt. Do đó, Thân Tử Thiện Cát (Tu Bồ-đề) đều là giáo chuyên tiểu thừa, không từng nghe hiểu oai đức của đại thừa nên hoặc hoang mang xả bỏ bát, hoặc sợ hãi từ chối mưa hoa, không biết nói gì và không biết lấy gì để đáp lại”. Tuy nhiên, giáo quả trách của Phương Đẳng ở sau Tam tạng

giáo, quả trách thời gian ấy phải là thời gian của mười hai năm trước, vì sao biết? Vì đều thuật lại sự xưa kia để quả trách nên nghiệm biết đó là sự việc trước đây! Vì sao? Vì trước đã nhận lãnh giáo mà được đạo, chứng ở Vô học đền đáp ân sâu của Phật tâm, tướng, thể, tìn không còn giận bực gì nữa. Từ xưa đến nay tha hồ nhận lấy sự quả trách của Ương Quạt nhận lấy sự phá chấp của Tịnh Danh nên được làm lợi ích hổ thẹn tâm tiểu thừa mà luyến mộ đại thừa”. Ví dụ như nấu váng sữa tạo thành Sanh tô tức là nghĩa này. Căn cứ vào kinh Vô Lượng Nghĩa thì được biết Phương Đẳng là sau thời Tam tạng giáo làm thời giáo thứ ba. Tiếp đến nói Ma-ha Bát-nhã, biển không của Hoa Nghiêm, trải qua nhiều kiếp tu hành thì đây là sau Phương Đẳng nhưng lại nêu ra Đại Phẩm. Đại phẩm hoặc nói “vô thường, vô ngã” hoặc nói “không”, hoặc nói “không sanh không diệt” thì đều trải qua sắc, tâm cho đến Nhất thiết chủng trí. Mỗi câu hỏi chuyển nêu ra pháp tu hành tức là ý của sự trải qua nhiều kiếp tu hành. Lại nói “trăm ngàn Tỳ-kheo, vạn ức trời người đạt được quả Tu-đà-hoàn, A-la-hán và người trụ Bích chi Phật” tức nghiệm biết là “cộng Bát-nhã”. Nhưng nói “biển không của Hoa Nghiêm” nếu hiểu theo nghĩa Hoa Nghiêm của đạo tràng tịch diệt thì điều này chẳng phải thứ tự. Nay nương vào Pháp tánh ba nơi của Bồ-tát độn căn đều nhập vào pháp giới. Ban đầu là Bát-nhã, kế đến là Pháp Hoa và sau cùng là Niết-bàn”. Nhân nơi Bát-nhã mà nhập vào “pháp giới” tức là biển không của Hoa Nghiêm. Lại nữa thời Hoa Nghiêm dài lâu, xưa kia căn cơ tiểu thừa chưa nhập vào vì như cầm như điếc, nay nghe Bát-nhã mà được nhập vào tức là nghĩa ấy. Đại Phẩm lại thông suốt nêu ra người của ba thừa có thể có bốn quả. Hoa Nghiêm do ngăn cách tiểu thừa nên không có nghĩa này. Cho nên, sau Phương Đẳng là kế đến nói Bát-nhã làm thời giáo thứ tư. Lại nói “vị Thực tô” là mệnh lệnh chuyển giáo khiến “biết rõ các vật” và “tâm dần dần trở nên thông thái” mà tự biết “lửa đom đóm” không bằng “ánh sáng mặt trời”. Tinh kính phục gấp bội mà chuyển thành chín muồi như từ “sanh tô” chuyển thành “thực tô”. Lại giải thích rằng: Sau thời Bát-nhã là nêu ra biển không của Hoa Nghiêm tức là giáo Đốn và viên của Pháp Hoa, vì sao? Vì ban đầu khi mới thành đạo, thuận chỉ nói đến giáo và viên giáo. “Nhưng vì chúng sanh không hiểu” tức căn cơ đại thừa chưa sâu dày nên dùng Tam tạng, Phương Đẳng, Bát-nhã, để sàng lọc, tu luyện thuận thực, căn tánh linh lợi trừ bỏ các chướng mới có thể kham nhận nghe Đốn giáo và viên giáo tức là nói Pháp Hoa khai mở tri kiến Phật, được nhập vào “pháp giới, đồng với Hoa Nghiêm, trong Pháp Tánh Luận nói nhập vào là nghĩa

ấy. Do vậy, Văn dưới nói “Xưa mới thấy thân ta mà nhập vào tuệ của Như Lai, nay nghe kinh này mà nhập vào trí tuệ của Phật”. Như vậy, nghĩa Đốn giáo và viên giáo của trí tuệ Phật trước và sau ngang bằng nhau. Vì thế tiến theo sau Bát-nhã là nói biển không của Hoa Nghiêm ngang bằng với Pháp Hoa, cũng là thời giáo thứ năm. Lại nói đề hồ là vị sau cùng của các vị. Niết-bàn gọi là đề hồ thì Kinh này như bữa tiệc ngon của Đại vương. Cho nên biết hai kinh đều là đề hồ. “Lại nữa, Phật Đấng Minh nói kinh Pháp Hoa xong liền ở giữa đêm đó xướng lên nhập vào Niết-bàn” tức Phật kia một lần giáo hóa ban đầu Hoa Nghiêm và sau nói Pháp Hoa. Thời Phật Ca Diếp cũng lại như vậy thấy đều không nêu ra Niết-bàn nên đều dùng Pháp Hoa làm giáo sau và vị sau cùng. Nay Phật vì thuận thực người lần trước mà dùng Pháp Hoa làm đề hồ, lại vì thuận thực người sau mà đem Bát-nhã sàng lọc lại rồi mới nhập vào Niết-bàn. Lại nữa, dùng Niết-bàn để làm giáo sau và vị sau. Ví như nhà nông gieo giống trước thì lúa chín trước, thu hoạch trước, gieo giống sau thì lúa chín sau thu hoạch sau. Tám nghìn Thanh văn và vô lượng Bồ-tát đã tổn sanh ở hội Pháp Hoa tức là đối với trong Pháp Hoa đã thu hoạch quả chắc thật chín trước mà không còn làm gì nữa. Nếu năm ngàn người tự bỏ tòa đi, Trời người bị di dời tức đều là thu hoạch sau, chín quả sau ở thời giáo Niết-bàn, Vì nghĩa này cho nên nói “từ Ma-ha Bát-Nhã lưu xuất ra Đại Niết-bàn” tức là thứ tự của lần sau. Căn cứ vào kinh Vô Lượng Nghĩa nói “thuyết Ma-ha Bát-nhã rồi kế đến nói biển không của Hoa Nghiêm” tức là thứ tự của Pháp Hoa ở lần trước. Hỏi: ý gì mà biết được người độn căn đối với Pháp Hoa không nhập vào liền dùng Bát-nhã để sàng lọc?

Đáp: Thích Luận nói “Tu Bồ-đề cơ sao lại hỏi Bồ-tát là quyết định cuối cùng hay không quyết định cuối cùng? Đáp “Tu Bồ-đề ở trong Pháp Hoa nghe các Bồ-tát được thọ ký thành Phật, nay ở trong Bát-nhã lại hỏi quyết định hay không quyết định cuối cùng” nên biết sau Pháp Hoa lại nêu ra Bát-nhã.

Dẫn ra phẩm Tín Giải nói bốn vị đại Thanh văn nhận lãnh giáo để chứng minh thứ tự được trình bày như sau: Văn kinh nói “người cha từ trước đến nay, tìm con không được bèn ở lại tại một thành trong nước đó. Nhà ông rất giàu, tài trợ, thần tá, lại dân rất đông, bấy giờ gã nghèo cùng... lần hồi đến nhà cha bèn nhanh chóng bỏ chạy, liền sai người bên cạnh đuổi theo bắt lại... gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng mà kêu oan... không tội chi mà bắt bớ đây chắc định phải chết. Người cha bèn nói với kẻ sứ giả: không cần người đó chớ cưỡng bức đem đến. Như vậy đây là

lãnh hội nghĩa gì? Tức hiểu được khi mới thành Phật ở đạo tràng tịch diệt có bốn mươi mốt địa Pháp thân đại sĩ và quyến thuộc vây quanh để lắng nghe Đốn giáo và Viên giáo. Thuở xưa dùng đại thừa toan muốn cho căn cơ của con sanh khởi, phiền muộn dứt hẳn, nên biết Phật đầu tiên triển khai Đốn giáo trước. Ví như từ trâu ắt trước tiên phải cho ra sữa. “Bấy giờ, ông trưởng giả toan muốn dụ dẫn người con mà bày chức phương tiện, mật sai hai người hình sắc tiêu tụy, không có oai đức nói: Hai người nên qua xóm kia từ từ nói... gã cùng tử... thuê người hốt phân... liền cởi chuỗi ngọc... mặc áo thô rách xỉn dơ... cùng phương tiện đó, đặng đến gần người con! Điều này lãnh hội nghĩa gì? Đây là lãnh hội sau Đốn giáo tức ẩn tướng oai đức của Xá Na mà khéo làm vị Tỳ-kheo già để nói ra Tam tạng giáo. “Trong hai mươi năm thường sai hốt phân... đặng cái giá một ngày” tức là từ mười hai bộ kinh rồi sau mới lưu xuất ra Tu-đa-la. Khi ấy Kiến hoặc và Tư hoặc đã đoạn trừ khiến tâm vô lậu thanh tịnh phát sanh ví như từ sữa mới cho ra vị Lạc.

Lại nữa, “sau đó lòng gã mới lần thể tin ra, vào không ngại sợ nhưng chỗ gã ở vẫn nguyên chỗ cũ” là lãnh hội nghĩa gì? Điều này muốn nói sau Tam tạng giáo tiếp đến nói Phương Đẳng. Đã đắc đạo quả khiến tâm thể lần tin nên nghe đại thừa gọi là “vào”, trụ tiểu thừa gọi là “ra”, khổ nói trách mắng gọi là “không ngại”. Lại nữa, “đi vào trong nhà” gọi là nhập (vào). Đi vào “thấy quần thần, hào tộc có thế lực lớn” tức là nghe Bảo Cự Đà-la-ni. Do thấy thần biến, giải thoát không thể nghĩ bàn cho nên gọi là nhập. Xuất (ra) là thôi ở thảo am xưa tức cảnh giới của Nhị thừa cho nên gọi “xuất”. “Tâm thể lần tin” tức là đắc A-la-hán rồi nên nghe quở trách mà không sân hận khiến nội tâm sanh hổ thẹn mà không dám dùng pháp của Thanh văn Bích chi Phật để giáo hóa người, và “tâm dần thuần thực” như từ vị Lạc cho ra vị Sanh tô. Đây gọi là từ Tu-đa-la” lưu xuất ra kinh Phương Đẳng tức thời giáo thứ ba. “Bấy giờ trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết mới bảo cùng tử rằng: ta nay có rất nhiều vàng bạc, trân báu kho đụm tràn đầy, trong đó nhiều ít chỗ đáng xài dùng người phải biết hết đó... cùng tử liền nhận lời bảo, lãnh biết các của vật... mà trọn không có ý mong lấy của đáng chùng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ” là nói lên nghĩa gì? Điều này muốn nói sau thời Phương Đẳng kế đến nói Bát-nhã. Tuệ quán Bát-nhã tức là “gia nghiệp”. Trải qua danh sắc cho đến chủng trí tức là “các vật”. Chuyển giáo tốt, đẹp v.v... tức là “lãnh biết”. Do chỉ vì Bồ-tát tự nói không thể “hành chứng” cho nên không sợ lấy, tức là từ Phương Đẳng lưu xuất ra Ma-ha Bát-nhã. Nhân đây mà biết được pháp môn của

Đại sĩ là để diệt phá sự vô tri, ví như từ sữa làm lưu xuất ra vị “Lạc”. Đây là thời giáo thứ tư. “Lại trải qua ít lâu sau, cho thấy ý con dần dần đã thông thái... Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến và hội cả thân tộc... liền tự tuyên nói: nó thiệt là con ta, ta thiệt là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải đều là của con ta có... Cùng tử nghe nói thế liền rất vui mừng được điều chưa từng có” là lãnh hội nghĩa gì? Đây tức là sau thời Bát-nhã, kế đến nói Pháp Hoa. Trước vì đã lãnh biết kho tàng và các vật nên sau không cần nói mà chỉ giao phó gia nghiệp mà thôi. Ví như trước chuyển giáo đều biết pháp môn nên không cần phải thuyết lại pháp quán, chỉ phá “thảo am” để “ban cho một xe lớn”. Và trao cho quả vị làm Phật. Há chẳng phải thấy rõ ràng Phật tánh trụ ở Đại Niết-bàn ư! Cho nên nói “từ Ma-ha Bát-nhã lưu xuất ra Đại Niết-bàn”. Khi ấy, vô minh được phá, lý Trung đạo tự hiển bày nên tâm trở nên thuần khiết như đề hồ trong suốt. Đây là từ vị Thục tô chuyển thành vị Đề hồ, là thời giáo thứ năm. Năm vị giáo này là một gia đoạn điều phục thuần thực chúng sanh với căn cơ từng bước dần dần (Tiệm). Như các đại đức Thanh văn: Thân Tử v.v... ở trong Pháp Hoa mà được thọ ký khiến thấy tánh Như Lai để thành tựu quả thật lớn lao. Như mùa thu thu gom, mùa đông tích chứa lại không còn làm gì nữa. Do không sanh không diệt nên gọi là Đại Niết-bàn, tức thuộc lần vận chuyển trước. Từ Ma-ha Bát-nhã lưu xuất ra Pháp Hoa vì người chưa thuần thực nên lại luận Bát-nhã để nhập vào Niết-bàn mà thấy Phật tánh tức là lần sau, lại từ Bát-nhã lưu xuất ra Niết-bàn. Tuy nhiên ý giáo của hai kinh, suy đến cùng đều như nhau. Như ba chu thuyết pháp của Pháp Hoa dùng để đoạn trừ Thanh văn quy vào một thật và sau khai mở gần để hiển bày xa nhằm nêu ra sự việc của Bồ-tát. Niết-bàn cũng như vậy, trước hết vượt lên ba thừa để tu đoạn Thanh văn nhập vào tạng Bí mật, và sau đưa ra ba mươi sáu câu hỏi để làm rõ sự việc của Bồ-tát. Lại nữa, Kinh Niết-bàn khi Phật sắp nhập diệt lại nâng đỡ cho Tam tạng giáo, nghĩa là dặn dò nhắm vào sau này kẻ độn căn trong đời mạt pháp không thể đối với Phật pháp mà khởi lên quan điểm “đoạn diệt”, rộng khai mở “tông thường” nhằm phá trừ điên đảo ấy khiến Phật pháp trụ lâu ở đời. Như sự việc này v.v... thì ý ấy tức riêng biệt nhưng đồng là vị đề hồ thứ năm và Phật tánh.

Ước định vào năm vị và bán giáo và mãn giáo cùng thành tựu tức là: Nếu chỉ luận về năm vị thì đồng với quan điểm các sư ở phương Nam tức chỉ được phương tiện. Nếu chỉ luận về bán giáo và mãn giáo thì đồng với quan điểm các sư phương Bắc tức chỉ được thật trí. Nay nói rõ năm vị không lìa bán giáo và mãn giáo, đồng thời bán giáo và mãn

giáo không lìa năm vị. Năm vị có bán giáo và mãn giáo tức là có tuệ phương tiện hiểu. Bán giáo và mãn giáo có năm vị tức là có phương tiện tuệ giải. Quyền trí và thật trí đều thực hiện như hai cánh của một con chim tuy đều cùng bay đi nhưng sự hiện hành hay ẩn giấu đều được dựa vào. Nếu Hoa Nghiêm là “gia nghiệp” của đại thừa Đốn, Mãn thì chỉ nêu ra một thật trí mà không nêu ra phương tiện, chỉ có mãn giáo mà không có bán giáo tức đối với Tiệm giáo thành sửa. Tam tạng như “khách làm công” chỉ là phương tiện, chỉ có bán giáo mà không có mãn giáo tức là đối với Tiệm giáo mà thành vị “Lạc”. Nếu là giáo quả trách của Phương Đẳng thì bán giáo và mãn giáo cùng tương đối nên dùng mãn giáo bài xích bán giáo tức đối với Tiệm giáo thành vị Sanh tô. Nếu Đại Phẩm lãnh hội giáo để đem bán giáo luận về mãn giáo thì bán giáo thông suốt vì ba thừa còn mãn giáo chỉ vì Bồ-tát nên đối với Tiệm giáo thành vị Thực tô. Nếu Pháp Hoa giao phó tài vật phước bỏ bán giáo mà nói rõ mãn giáo. Nếu không có bán giáo phương tiện để điều phục thuần thực căn cơ thấp kém thì cũng không có mãn giáo khai mở tri kiến Phật tức đối với Tiệm giáo mà thành vị Đề hồ. “Như Lai ân cần khen ngợi phương tiện” là bán giáo có công thành tựu mãn giáo, là ý đó vậy. “bốn đại Thanh văn lãnh hiểu... tụ báu vô thượng không cầu mà được... an trụ trong thật trí” thì đều do bán giáo và mãn giáo cùng nhau thành tựu. Ý ấy tại chỗ này.

Nêu ra hợp và không hợp nghĩa là: Năm vị và mãn giáo, bán giáo đã thông suốt dựa trên các kinh nhưng các kinh không đồng nhau. Nay sẽ biện luận về sự khai và hợp đó. Nếu Hoa Nghiêm chính thức ngăn cách tiểu thừa để nêu ra đại thừa thì phần ban đầu kia vĩnh viễn không có Thanh văn và phần sau tức có Thanh văn: Tuy ngồi ở hội nghe mà như câm như điếc vì chẳng phải cảnh giới của họ. Lúc ấy còn chưa có bán giáo thì căn cứ đâu luận hợp! Kế đến khai mở ba thừa mà dẫn dắt tiếp sức căn cơ của tiểu thừa khiến đoạn trừ Kiến hoặc và Tư hoặc tức dùng tiểu thừa ngăn cách đại thừa. Đã không luận về mãn giáo thì chỗ nào có thể hợp! Do đó Vô Lượng Nghĩa nói “ba pháp, bốn quả, hai đạo không là một (đồng nhất), do không là một nên không hợp”. Nếu giáo của Phương Đẳng thì hoặc song song nêu ra bán giáo và mãn giáo, hoặc bán giáo và mãn giáo đối nhau, hoặc dùng mãn giáo che bán giáo, theo bán giáo nghe mãn giáo. Tuy biết sanh tâm hổ thẹn về tiểu thừa nhưng chưa nhập vào đại thừa” cho nên nói “ngưng ở thảo am”, “tâm hạ liệt vẫn chưa có thể cải đổi” tức bán giáo và mãn giáo không hợp. Bát-nhã dùng mãn giáo để sàng lọc rèn luyện nơi bán giáo, “khiến

nhận lãnh gia nghiệp” là nói phương tiện bán giáo thông suốt nhập vào “vô sanh”. Pháp môn nửa chữ đều là Ma-ha-diễn tức là hợp pháp ấy; “nhưng “không mong cầu nắm lấy vật đáng chùng bữa ăn” tức là chưa hợp người ấy cho nên bán giáo và mẫn giáo không hợp. Nếu đến Pháp Hoa thì giác ngộ được Hóa Thành mà nói “chẳng phải chơn thật... thực hành của các ông là đạo của Bồ-tát” tức là hợp pháp. “Nó thiệt là con ta” tức là hợp người. Như vậy người và pháp đều hợp. Từ vườn Lộc Uyển, khai mở quyền trí, trải qua các kinh giáo cho đến Pháp Hoa mới được hợp thật trí. Do đó kinh Vô Lượng Nghĩa nói “Hơn bốn mươi năm chưa hiển bày chơn thật”. Nếu đối với Pháp Hoa chưa hợp thì ở Niết-bàn được hợp. Pháp Tánh Luận nói “hai căn cơ thuộc bậc trung và bậc hạ được nhập vào pháp giới “tức là được hợp Bồ-tát. Nếu luận về Thanh văn thì hợp bí mật và hiển lộ. Hợp bí mật tức là ban đầu vì Đề vị mà nói pháp năm giới, đã có người bí mật ngộ hiểu “Vô sanh nhẫn” thì hướng hồ Tu-đa-la, Phương Đăng, Bát-nhã há không có bí mật ngộ hiểu! Nay không luận bàn điều này. Nếu căn cứ ở “hiển lộ” thì chưa nhập vào địa vị Thanh văn cũng tùy xứ mà được hợp giống như trong Bát-nhã ba trăm Tỳ-kheo được thọ ký. Nếu trụ ở quả Thanh văn quyết định đến Pháp Hoa thì khích lệ tin khiến cho hợp. Nếu trụ ở quả Thanh văn không hợp là vì tăng thượng mạn chưa nhập chánh vị, như năm ngàn người bỏ chúng đứng dậy đi mà đến trong Niết-bàn mới lại được hợp. Tổng quát căn cứ ở các giáo được thông làm bốn câu: Hoa Nghiêm và Tam tạng chẳng phải hợp chẳng phải không hợp, Phương Đăng và Bát-nhã hoàn toàn không hợp, Pháp Hoa hoàn toàn hợp, Niết-bàn thì cũng hợp, cũng không hợp, vì sao? Vì Niết-bàn ở cuối đời giáo hóa nên khai mở lại các quyền trí để dẫn dắt hàng độn căn thời mai sau cho nên nói “cũng không hợp”.

Hỏi: Bồ-tát nhân nơi Pháp Hoa mà nhập vào Pháp giới nên cùng Hoa Nghiêm hợp, nhưng không thấy nhân nơi Hoa Nghiêm mà nhập một thừa nên cùng Pháp Hoa hợp?

Đáp: Hoa Nghiêm nhập pháp giới tức là nhập vào một thừa v.v...

Sự giản lược được phân làm ba ý: 1. Căn cứ thông và biệt; 2. Lợi ích và không lợi ích; 3. Căn cứ ở các giáo.

Thông và biệt nghĩa là: Luận về năm vị, bán giáo và mẫn giáo là luận riêng biệt có giới hạn, luận thông là thông suốt từ trước đến sau. Nếu Hoa Nghiêm nói Đốn giáo là vị sửa tức riêng biệt chỉ ở tại ban đầu, còn thông tức là xuyên suốt đến sau này. Do đó, kinh Vô Lượng Nghĩa nói “kế đến nói Bát-nhã trải qua nhiều kiếp tu hành biến “Không” của

Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa mới hội nhập trí tuệ của Phật” tức là thông suốt đến hai kinh. Lại nữa kinh Tượng pháp Quyết Nghi nói “nay ngồi trong vô lượng số chúng, mỗi người đều thấy bất đồng: hoặc thấy Như Lai nhập Niết-bàn, hoặc thấy Như Lai trụ ở đời trong một kiếp, hoặc giảm một kiếp, hoặc vô lượng kiếp. Hoặc thấy Như Lai với thân cao một trượng sáu, hoặc thấy thân nhỏ hoặc thấy thân lớn, hoặc thấy Báo thân ở biển Liên hoa tạng thế giới vì trăm ngàn ức Thích Ca Mâu Ni để thuyết pháp môn Tâm địa, hoặc thấy Pháp thân đồng với hư không không có phân biệt, vô tướng vô ngại biến khắp đồng với pháp giới, hoặc thấy cõi này có đất cát vườn rừng núi non, hoặc thấy đều là bảy thứ báu quý hoặc thấy cõi này chính là nơi hành pháp của ba đời chư Phật, hoặc thấy cõi này là pháp chơn thật của cảnh giới chư Phật không thể nghĩ bàn”. Hễ mặt trời mới mọc thì ban đầu chiếu vào núi cao và mặt trời lúc hoàng hôn cũng nên chiếu ánh sáng yếu ớt của mình vào núi cao trước khi tắt lịm cho nên biển Liên Hoa tạng cũng thông suốt cho đến thời sau “Niết-bàn” huống hồ là thời giáo trước. Nếu giáo thuộc vị Lạc, bán giáo của Tu-đa-la thì luận riêng biệt ở thời thứ hai, luận chung thì cũng đến thời sau cùng, vì sao? Vì như Ca-lưu-đà-di ở trong Pháp Hoa mà được thọ ký rồi sau đó đi vào làng xóm bị hại nên tạo ra duyên khởi, kết giới. Lại như Thân Tử được thỉnh giảng Pháp Hoa và sau đó nhập diệt hoặc Quân Đề mang ba y đến hỏi Phật v.v... há chẳng phải thông suốt từ Tam tạng giáo đến thời giáo sau ư! Thích Luận nói “ban đầu từ vườn Lộc Uyển cho đến đêm nhập Niết-bàn các giới, định, tuệ Phật đã hỏi đều kết làm tạng Tu-đổ-lộ v.v... nên biết. Tam tạng thông suốt đến thời giáo sau. Nếu bán giáo và mãn giáo tương đối của Phương Đẳng là Sanh tô giáo thì luận riêng là thời thứ ba còn luận thông suốt cũng đến thời giáo sau, vì sao? Vì Đà-la-ni nói “trước tiên ở trong thành Vương Xá thọ ký cho các Thanh văn, nay lại ở rừng Kỳ-Đà thuộc nước Xá Vệ lại thọ ký cho các Thanh văn, xưa kia ở thành Ba-la-nại thọ ký cho các Thanh văn”. Thân Tử nói “Thế Tôn nói chơn thật không có hư vọng” cho nên có thể là thời giáo thứ hai và thứ ba. “Chúng con nay được thọ ký” cho nên biết từ Phương Đẳng cho đến sau Pháp Hoa là Bát-nhã mang bán giáo để luận về mãn giáo tức là Thục tô giáo: luận riêng thì ở thời giáo thứ tư còn luận thông suốt cũng đến thời giáo sau cuối, vì sao? Vì từ “đêm đắc đạo đến đêm nhập Niết-bàn thường nói Bát-nhã”. Lại nữa, Thích Luận nói “Tu Bồ-đề hỏi về quyết định rốt ráo và không rốt ráo” nên biết Bát-nhã cũng suốt đến thời giáo sau. Nếu đề hồ mãn giáo của Niết-bàn thì luận luận tức tại thời giáo thứ năm còn

luận thông tức cũng đến thời giáo sau, vì sao? Vì Thích Luận nói “từ sơ phát tâm thường quán hành đạo Niết-bàn, vậy các giáo từ trước đến nay há không có phát tâm Bồ-tát mà quán Niết-bàn sao!”. Đại kinh nói “Ta ngồi dưới cây Bồ-đề ở tại đạo tràng, ban đầu thành chánh giác, lúc bấy giờ có các Bồ-tát trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới đến hỏi ta về nghĩa thâm sâu ấy, nhưng các câu nghĩa công đức các vị đó đã hỏi cũng đều như vậy v.v... không có khác biệt. Hỏi như vậy tức có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh”. Đây là thông đến thời giáo trước. Nếu Pháp Hoa hiển lộ mà luận thì không thấy ở giáo trước còn bí mật mà luận thì lý không có chướng ngại. Do đó Thân Tử nói “con xưa từ Phật nghe pháp như vậy, thấy các Bồ-tát được thọ ký làm Phật” há chẳng phải là văn chứng minh ghi nhận thông suốt từ xưa kia! Hỏi “Niết-bàn tìm nói bốn giáo, Phương Đẳng chính thức khai mở bốn giáo, Biệt giáo lại có bốn giáo thì là phân biệt? Đáp: Niết-bàn nói bốn giáo để thông nhập Phật tánh, Biệt giáo nói thứ tự sau mới thấy Phật tánh, Phương Đẳng bảo chứng hai giáo mà không thấy tánh v.v...”

Căn cứ ở lợi ích và không lợi ích được trình bày như sau. Nếu Hoa Nghiêm là Nhũ giáo, Tam tạng là lạc giáo thì đó là vị phương tiện vị đại thừa ít. Giải thích về điều này được phân làm ba phần:

1. Lấy dụng lợi ích mà luận: như thuốc hay chữa hẳn trị lành bệnh nhưng thuốc dở có thể thích nghi trị lành bệnh. Thuốc hay nếu chẳng thích nghi thì chỉ uống uống vào, vô ích. Ban đầu Phật nói Hoa Nghiêm, đối với người mới phát tâm chưa có lợi ích thâm sâu và đối với Tiệm giáo cũng chưa chuyển nên ở trong hai duyên giống như sữa. Nếu căn cơ Tiệm giáo thọ nhận Tam tạng có thể đoạn trừ Kiến hoặc, Tư hoặc khiến ba độc tiêu tan liền chuyển phàm thành Thánh như biến sữa thành váng sữa. Như vậy, không thể dùng lợi ích của thuốc mà gọi là hay, dở và sang trọng hay thấp hèn. Hoa Nghiêm cũng như vậy: đối với tiểu thừa thì như sữa, đối với đại thừa thì như đề hồ. Phần ít thí dụ là dụ về việc không thể cầu hoàn toàn.

2. Như Lương y có một phương thuốc bí truyền có đủ mười hai loại thuốc và ba loại quý nhất khéo xem tướng bệnh để bốc thuốc thừa thiếu sao cho thích ứng nên cuối cùng không trái với cách xét nghiệm và không có chữa trị sai lầm. Phật cũng như vậy, thuốc trị bệnh mẫu nhiệm vuông tròn (viên mãn) đầy đủ mười hai bộ kinh nhưng Vô vấn, Phương Quảng, Thọ Ký, là cách trị thâm sâu nhất, hàng Bồ-tát có trí tuệ lanh lợi sử dụng đầy đủ mà hoàn toàn bình phục, còn bệnh của hàng Nhị thừa lại lấy chín bộ làm thang thuốc. Đây nếu không cắt giảm, thì

ở bệnh không có lợi ích, đối với thuốc không cắt giảm là vị sữa, còn cắt giảm là vị Lạc. Ở đây lấy thứ tự tương sanh làm thí dụ chứ không dùng nghĩa đậm, nhạt, sâu, cạn.

3. Căn cứ ở tâm hành giả nghĩa là chỉ nói thời Hoa Nghiêm thì hàng phàm phu không chuyển được Tư hoặc và Kiến hoặc cho nên nói như sữa; nói thời giáo Tam tạng thì đoạn trừ Kiến hoặc và Tư hoặc nên nói như vị Lạc (váng sữa), nói thời Phương Đẳng khiến tâm sanh xấu hổ mà thuần phục nhưng không nói “chơn cực” nên như vị “Sanh tô, nói thời Bát-nhã khiến lãnh hội giáo mà biết pháp là như vị Thục tô, nói thời Pháp Hoa khiến phá vô minh, khai mở tri kiến Phật và được thọ ký làm Phật với tâm đã thanh tịnh nên nói như vị Đề hồ. Như vậy tâm của hành giả sanh, giáo cũng chưa chuyển và tâm hành giả thuần thục thì giáo cũng theo đó mà thuần thục. Hỏi: Vì một người nhận lãnh năm vị hay vì năm người? Đáp: Tự có một người thọ một vị. Như trong Hoa Nghiêm thuần nói về một căn tánh tức được một vị “đề hồ” mà không có trải qua cả năm vị. Đại kinh nói “trên núi tuyết có một loại cỏ mà trâu ăn” tức là vị “đề hồ”. Tự có một người nếm qua năm vị là như căn tánh của tiểu thừa đối với Đốn giáo thì như sữa còn đối với Tam tạng giáo thì như váng sữa cho đến vị “đề hồ” mới là rốt ráo. Như Đại kinh nói “từ trâu cho ra sữa, cho đến sanh tô, thục tô cho ra đề hồ” tức tự có Bồ-tát với căn tánh lạnh lợi. Nếu chưa nhập vị Thanh văn mà hoặc ở trong Tam tạng để thấy tánh thì trải qua hai vị. Nếu từ trong Phương Đẳng mà thấy tánh thì trải qua ba vị. Nếu từ trong Bát-nhã mà thấy tánh thì trải qua bốn vị như “ba trăm Tỳ-kheo”. Đại kinh nói “bỏ thuốc độc vào sữa biến khắp trong năm vị thì có thể gây chết người” tức là ý này.

Căn cứ qua các giáo là như Đại kinh nói “phàm phu như sữa, Thanh văn như vị Lạc, Bồ-tát như Sanh tô, Thục tô Phật như Đề hồ”. Nay giải thích thí dụ này để tổng dụ cho bán giáo, mãn giáo qua năm thời: phàm phu không có đạo đối trị nên hoàn toàn sanh như sữa, Thanh văn phát khởi chơn thông suốt nên đều như vị Lạc Bồ-tát Thông giáo và Nhị thừa như vị Sanh tô, Biệt giáo như Thục tô Viên giáo như đề hồ. Nay đương giáo mỗi thứ phán quyết qua năm vị. Đại kinh nói “phàm phu như sữa, Tu-đà-hoàn như vị Lạc, Tu-đà-hàm như Sanh tô, A-na-hàm như Thục tô, A-la-hán, Bích chi Phật và Phật như Đề hồ. Nếu có quả siêu việt tức là đạt được “đề hồ”. Nếu có quả siêu việt tức là đạt được “đề hồ” hoặc có “từng vị” mà nhập vào, là ba ý của Tam tạng giáo. Nếu là năm vị của Thông giáo thì như phẩm ba mươi hai của Đại kinh nói “Phật tánh

của phàm phu như sữa và máu lẫn lộn”. Máu là tất cả các phiền não như vô minh, hành v.v... Sữa tức là năm ấm thiện. Do vậy Ta nói từ các phiền não và năm ấm thiện mà được Tam Bồ-đề. Như thân của chúng sanh đều từ tinh huyết mà được thành tựu. Phật tánh cũng như vậy: Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm đoạn được phần ít phiền não nên như sữa nguyên chất, A-na-hàm như vị Lạc, A-la-hán như Sanh tô, Bích Chi cho đến Thập địa Bồ-tát như Thực tô, Phật như Đề hồ quả siêu việt bất định v.v...”. Biệt giáo tự nêu ra năm vị như phẩm thứ chín của Đại kinh nói “chúng sanh như trâu mới sinh chưa phân biệt được máu và sữa, Thanh văn và Duyên Giác như vị Lạc, Bồ-tát như Sanh tô và Thực tô, chư Phật Thế Tôn như Đề hồ, có đầy đủ quả siêu việt thì bất định v.v... Viên giáo chỉ nêu ra một vị như Đại kinh nói “trên núi tuyết có một loại cỏ gọi là “nhân nhục”. Nếu trâu ăn vào thì được vị đề hồ”. Do chánh chỉ thuần một vị cho nên không luận về năm vị. Nếu trong “không có sai biệt” mà tạo ra sai biệt là ước định vào “danh tự: tức” cho đến “cứu cánh tức” để phán quyết năm vị tương sanh. Từ Phật lưu xuất ra mười hai bộ kinh tức là nêu ra sữa dụ cho vị lương ý mới vào nghề dùng sữa. Có thể ước định ở bốn thiện căn để phát khởi trung đạo làm năm vị.

Việc tăng số để nói rõ số là trước hết ước định vào Tích môn và kế đến ước định vào Bản môn. Nếu giáo Bản môn hợp với căn cơ mà căn cơ đã không là một và giáo Tích môn có nhiều thứ đâu chỉ có năm thời của bán giáo và mãn giáo! Nên biết có vô lượng loại giáo. Nay chỉ tăng một cho đến tám. Ban đầu ước định vào một pháp để nêu ra khai hợp, nghĩa là trong cõi Phật ở mười phương chỉ có pháp một thừa nhưng vì chúng sanh không hiểu nên toàn sanh như sữa. Nếu muốn khai mở tức là khai mở Viên giáo mà nêu ra một thừa của Biệt giáo. Nếu đối với Biệt giáo mà không hiểu thì cũng hoàn toàn sanh như sữa nên lại khai mở một thừa của Thông giáo. Nếu đối với Thông giáo mà không hiểu thì cũng hoàn toàn như sữa nên lại khai mở một thừa của Tam tạng giáo. Tuy khai mở làm bốn nhưng đều gọi là một pháp đại thừa, đều cầu quả Phật. Nếu đối với một thừa của Tam tạng giáo mà được hiểu tức biến sữa thành vị Lạc cho đến nhập vào một thừa căn Bản môn v.v... Nếu đối với, một thừa của bốn giáo mà không hiểu thì lại ở trong Tam tạng giáo khai mở ra giáo của Thanh văn và Bích Chi Phật. Nếu đoạn kết, chứng quả khiến tâm dần dần thông thái tức là bỏ đi Nhị thừa mà chỉ nói đại thừa cầu Phật. Dần dần dùng Bát-nhã để thanh lọc khiến tâm điều hòa thuần thực tức là phế bỏ một thừa phương tiện mà chỉ còn một thừa chơn thật viên mãn. Cho nên nói “như thế nguyện xưa của Ta nay

đã đầy đủ... giáo hóa tất cả chúng sanh khiến đều nhập vào Phật đạo... Nếu dùng tiểu thừa để giáo hóa thì Ta sẽ rơi vào keo kiệt “Do việc làm này không thể cho nên mới từ một thừa mà khai mở một thừa, cuối cùng từ một thừa mà trở về một thừa. Nếu căn cứ ở hai pháp mà luận về khai, hợp tức là ước định ở hai giáo “Bán” và “Mãn”. Ban đầu nêu ra Mãn giáo của Hoa Nghiêm, nếu chúng sanh không có căn cơ thì kể đến căn cứ ở Mãn giáo nhằm khai mở Bán giáo. Kế đến Phương Đẳng đối với Bán giáo mà nêu ra Mãn giáo; kế tiếp Bát-nhã mang theo Bán giáo để nêu ra Mãn giáo, kế tiếp Pháp Hoa bỏ Bán giáo để nói rõ Mãn giáo ban đầu, tức là từ Mãn giáo để khai mở Bán giáo và rốt cùng là phế bỏ Bán giáo để trở về Mãn giáo v.v... Tiếp căn cứ vào ba pháp để luận về khai, hợp, tức là “ở trong một Phật thừa mà phương tiện nói thành ba”. Đã biết nghỉ ngơi rồi, diệt bỏ “Hóa Thành cũng là dựa trên ba thiện như Thanh văn là hạ thiện v.v... Kế đến ước định vào bốn pháp để luận về khai, hợp tức là bốn giáo ước định vào Viên giáo để khai mở Biệt giáo và ước định vào Biệt giáo để khai mở Thông giáo, kế đến khai mở Tam tạng giáo như vậy thứ tự gom lại kết hợp về Viên giáo v.v... Lại bốn pháp luận về khai, hợp là ước định vào bốn môn: vốn là bốn môn của Viên giáo nhưng chúng sanh không hiểu nên mới khai mở bốn môn của Biệt giáo cho đến bốn môn của Thông giáo và Tam tạng giáo. Người lợi căn thì được truyền nhập còn kẻ độn căn thì trải qua năm vị giáo mới được điều hòa nhập vào. Kế đến ước định vào năm pháp để luận về khai hợp tức là căn cứ vào năm vị giáo. Từ mười hai bộ ban đầu khai mở Tu-đa-la cho đến Niết-Bàn mỗi giáo đều luận về năm vị. Từ năm vị ban đầu khai mở các loại năm vị nhỏ nhặt dần dần hợp trở lại mà hội về năm vị của Mãn giáo và Viên giáo. Kế đến ước định vào sáu pháp để luận về khai, hợp tức là căn cứ vào lục độ của đại thừa bảy giác chi và tám Thánh đạo của bốn giáo. Ban đầu khai mở Viên giáo để nêu ra Biệt giáo cho đến Tam tạng giáo. Như vậy rút ngắn hợp lại thành một đạo viên mãn v.v... Kế đến ước định vào bảy pháp để luận về khai hợp tức là căn cứ, Nhị thừa và Thiên, Nhân thừa của bốn giáo. Nếu hưởng về trên thì hợp với Biệt giáo và Viên giáo còn hưởng về dưới thì hợp với trời, người khiến bảy số đầy đủ khai, hợp v.v... Kế đến ước định vào tám pháp để luận về khai, hợp tức là căn cứ vào tám pháp khai, hợp trước v.v... Nến nắm bắt được ý khai, hợp thì tự tại mà nói pháp.

Căn cứ vào Bản môn để nêu ra giáo khai, hợp tức là mượn Tích môn để biết Bản môn và Bản môn cũng lại như vậy. Lại nữa, trong Bản môn nêu rõ “hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ pháp

mình, hoặc chỉ pháp người: Thân mình là ảnh tượng thuộc pháp giới của Phật. Thân người là ảnh tượng của chín pháp giới. Pháp mình là tri kiến Phật viên mãn Đốn giáo. Từ đây trở xuống đều là pháp của người khác. “Tuy chỉ ra nhiều loại hình, mà muốn khiến được độ thoát, tuy nói nhiều loại đạo nhưng kỳ thật là một thừa” tức là ý khai hợp. Như vậy, khai hợp năm vị, Bán giáo và Mãn giáo rõ ràng đầy đủ không có thiếu sót, ý thứ tự cùng được phân minh chứ chẳng phải ý “thứ tự” tự nhiên có thể hiểu, và giáo bất định cũng trở nên dễ thấy. Từ một thừa khai mở một thừa nghĩa là trong cõi Phật ở mười phương chỉ có một thừa pháp nhưng chúng sanh không hiểu nên toàn như sữa. Từ một thừa của Viên giáo mà khai mở một thừa của Biệt giáo nhưng chúng sanh lại không hiểu nên cũng toàn như sữa. Lại khai mở một thừa của “thể pháp” nhưng chúng sanh không hiểu nên cũng toàn sanh như sữa. Lại khai mở một thừa của “tích pháp” khiến chúng sanh liền hiểu tức là chuyển sữa thành vị Lạc. Kế đó, nhập vào thể pháp tức là chuyển vị Lạc thành vị Sanh tô. Kế đến nhập vào một thừa của Biệt giáo tức là chuyển Sanh tô thành vị Thục tô. Kế đến chuyển nhập vào một thừa của Viên giáo là như chuyển Thục tô thành Đề hồ. Trong đây đều có đầy đủ Tiệm giáo, Đốn giáo và bất định giáo v.v... Đây là từ một thừa mà khai mở một thừa, và từ một thừa quy về một thừa. Kế đến từ hai để khai mở hai nghĩa là: Nguyên vốn là Như Lai tạng. Trong Như Lai Tạng có đầy đủ Bán giáo và Mãn giáo không thể nghĩ bàn nhưng chúng sanh không hiểu nên hoàn toàn sanh như sữa. Lại khai mở Mãn giáo mang theo Bán giáo nhưng cũng không hiểu nên hoàn toàn sanh như sữa. Lại khai mở Mãn giáo phá bỏ Bán giáo nhưng chúng sanh không hiểu nên cũng hoàn toàn sanh như sữa. Lại nữa, chỉ nói Bán giáo khiến chúng sanh hiểu như chuyển sữa thành vị Lạc. Kế đến nói Mãn giáo phá bỏ Bán giáo là như chuyển vị Lạc thành Sanh tô. Kế đến nói dùng Mãn giáo đeo mang Bán giáo nghĩa là chúng sanh có một vị Thục tô. Kế đến thuần nói Mãn giáo không thể nghĩ bàn nghĩa là chúng sanh như “đề hồ”. Trong đây đều có đủ Đốn giáo, Tiệm giáo và bất định giáo tức là “từ hai khai mở hai” và “từ hai quy về hai”. “Từ ba quy về ba” vốn là tức không, tức Giả, tức Trung đạo nhưng chúng sanh không hiểu nên mới khai mở ba loại thứ tự. Tuy nhiên chúng sanh cũng không hiểu nên liền khai mở Ba quán của chơn thể. Do chúng sanh lại không hiểu nên khai mở ba quán của “tích pháp”. Người lợi căn, từ ba thứ của tích pháp mà nhập vào ba quán của “thể không” rồi từ thể nhập vào “thứ tự” và từ “thứ tự” nhập vào “tức”. Người độn căn trụ ở ba quán của “tích pháp” cho

nên dùng ba quán “tức không” để điều phục tức là Sanh tô. Lại dùng ba quán của “thứ tự” để điều phục nên như Thực tô khiến nay mới được nhập vào “tức không, tức Giả, tức Trung đạo”. Đây là ước định vào ba pháp mà luận về khai và hợp. Bốn pháp khai hợp là bốn môn của Viên giáo nhưng chúng sanh không hiểu nên mới khai mở bốn môn của Biệt giáo cho đến bốn môn của Tam tạng truyền đến khiến nhập vào như trước. Ước định vào năm pháp để luận về khai, hợp là căn cứ vào năm vị chuẩn định như trước v.v... cho đến tám pháp cũng như vậy.

Ghi nhận là riêng chép lại sự đồng và khác. Có người dẫn Thích Luận mà gom tông phẩm rồi nêu ra mười kinh lớn: kinh Vân, kinh Đại Vân, kinh Pháp Hoa và cho rằng Bát-nhã là lớn nhất. Lại nữa phẩm Đại Minh nói “các thiện pháp khác nhập vào trong Bát-nhã nghĩa là kinh Pháp Hoa cũng là thiện pháp”. Quyển một trăm nói “Pháp Hoa là bí mật” Bát-nhã không phải bí mật vì không nêu ra hàng Nhị thừa được làm Phật. Lại nói “Bát-nhã và Pháp Hoa chỉ là tên gọi khác!” Vậy ba loại làm sao thông suốt? Có người hiểu nói “các Thánh dùng vô tâm kế hợp với vô tướng như các dòng sông đều chảy vào biển cả. Nếu sự giáo hóa chúng sanh của chư vị dùng vô tướng làm tông thì như “không” bao quát tất cả mà Bát-nhã nói nhiều về hai pháp này cho nên đối với mười kinh rất là lớn nhất”. Lại nữa, Bát-nhã nêu ra “Đệ nhất nghĩa Tất đàn” cho nên lớn nhất. Lại nữa trong chín mươi phẩm thì sáu mươi phẩm trước nêu ra trí tuệ chơn thật còn từ phẩm Vô tận trở về sau nêu ra hai tuệ phương tiện. Đây là cha mẹ của Pháp thân Phật của ba đời cho nên là thiện lớn nhất. Các kinh nêu ra hai tuệ này đều thuộc về trong Bát-nhã. Hỏi: Các kinh nói hai Tuệ này cũng nên nói Bát-nhã nhiếp vào trong các kinh? Đáp: Đại Phẩm đầu tiên chuyên nêu ra tuệ này còn các kinh khác thì không như vậy. Từ xưa đến nay nói Bát-nhã là kinh Đắc Đạo cho nên biết nó rất lớn. Nay lại luận chuyên về nghĩa “lớn” thì sao nói “gom thông suốt”? “Gom thông suốt” là có “cộng Bát-nhã” và “Bất cộng Bát-nhã”. “Bất cộng Bát-nhã” thì lớn nhất. Nếu Kinh khác nêu ra “bất cộng” thì nghĩa đó chính bằng nhau v.v... Kia lại gom thông suốt Pháp Hoa để nêu ra “hàng Nhị thừa được làm Phật” tức là bí mật còn Bát-nhã không nêu ra “hàng Nhị thừa được làm Phật” nên chẳng phải bí mật. Bí mật tức là thâm sâu còn Bát-nhã là nông cạn, vì sao? Vì Bát-nhã nêu ra Bồ-tát là nhân thành Phật nhưng nghĩa ấy dễ hiểu cho nên chẳng phải bí mật. “Hàng Nhị thừa thành Phật” thì ngược lại với giáo xưa và nghĩa này khó hiểu cho nên là bí mật. Luận nói “như dùng thuốc làm thuốc thì sự việc này dễ làm, còn dùng chất độc làm thuốc

thì sự việc này khó làm v.v... Tuy nhiên điều ấy bí mật thông suốt cả đại thừa và tiểu thừa. Quyển thứ tư của Thích Luận nói “giáo hiển bày nêu ra La-hán đoạn trừ hoặc chương khiến trở nên thanh tịnh; Bồ-tát không đoạn hoặc chương không thanh tịnh cho nên Bồ-tát liệt kê ở sau. Nếu pháp bí mật thì nói Bồ-tát được sáu thứ thần thông, đoạn tất cả phiền não và vượt lên trên hàng Nhị thừa thì nên biết giáo hiển thị cạn cợt mà bí mật thâm sâu. Nay, Bát-nhã và Pháp Hoa đều nêu ra Bồ-tát đạt được “Vô sanh nhẫn” và có đủ sáu loại thần thông nên đều bí mật, đều thâm sâu và đều lớn. Căn cứ ở bí mật mà luận về bí mật và không bí mật: thì Bát-nhã không nêu ra hàng Nhị thừa làm Phật chỉ thiếu sót một điều này cho nên nói “không bí mật” mà thôi!

Hỏi: Bát-nhã chưa khai mở quyền trí thì nên nói là bí mật còn Pháp Hoa đã khai mở quyền trí nên nói là “hiển thị”?

Đáp: Nếu lấy sự khai mở quyền trí thì như đã hỏi mà nay lấy “nông cạn, dễ hiểu” làm nghĩa hiển thị.

Hỏi: nếu như vậy thì chưa rõ ràng, cứ sao nói “lớn”?

Đáp: căn cứ vào hai tuệ để nói “thâm sâu, lớn”, không nêu ra “hàng nhị thừa làm Phật” là “chưa rõ”.

Hỏi: đã nói thâm sâu và lớn sao không nói hàng nhị thừa là phương tiện khiến được làm Phật? Nghĩa này chưa rõ cũng đâu có lớn?

Đáp: chẳng phải tự giải thích mà Sư Tăng Duệ cũng nói “Bát-nhã chiếu còn Pháp Hoa là thật”. Nếu luận tận cùng lý tánh để nêu ra vạn hạnh thì “thật” không bằng “chiếu soi”. Nếu lấy nghĩa lớn để nêu ra “hóa chơn thật” nhằm hiểu “vốn không có ba” thì “chiếu soi” không bằng “thật” cho nên khen ngợi thâm sâu là công của Bát-nhã còn khen ngợi “thật” là dụng cao của Pháp Hoa.

Hỏi: Tuy dẫn ra Tăng Duệ như vịn cây khô mà cầu sức nhưng không biết người và cây đều ngã nghiêng nên giải thích vẫn chưa rõ. Nay nói “bất cộng Bát-nhã” thì thời nào không nêu ra hàng Nhị thừa làm Phật và đối với trí tuệ lớn bình đẳng của Pháp Hoa lại có gì khác?

Đáp: Các kinh luận nêu ra giáo chẳng phải một. Như Ma-đắc-Lặc-già có hai tạng: Bồ-tát tạng và Thanh văn tạng. Lại nữa các kinh có Tam tạng: Bồ-tát, Thanh văn, và Tạng tạng. Và phân mười một bộ là tạng Thanh văn, bộ Phương Quảng là Bồ-tát tạng, còn hợp thành mười hai bộ là Tạng tạng. Lại có bốn tạng tức mở thêm “Phật tạng” kinh Bồ-tát xứ Thai nói có tám tạng. Nghĩa là Thai hóa tạng, Trung ấm tạng, Ma-ha-diễn, Phương Đẳng tạng, Giới luật tạng, Thập Trụ tạng, Tạng tạng, Kim cang tạng, Phật tạng. Các tạng ấy làm sao hội nhập chung?

Thông suốt hai tạng là Thanh văn và Bồ-tát tạng, thông suốt Tam tạng là ban đầu thông suốt Thanh văn tạng và kế đến thông suốt Tạng tạng và Bồ-tát tạng, thông suốt bốn tạng là mỗi tạng đều thông nhau, thông suốt tám tạng là tám tạng tức là từ khi “giáng thân” trở đi. Bốn giáo, là từ khi chuyển pháp luân trở đi mỗi thời đều có khác. Nay dùng “chuyển pháp luân” đến tám giáo đều thông suốt. Nếu “thai hóa tạng và trung ấm tạng” chưa vì A nan mà giảng thuyết thì gọi là giáo bí mật, khi đã vì A Nan mà thuyết giảng tức là giáo bất định, Ma-ha-diễn Phương Đăng tạng là “Đốn giáo”, Giới luật tạng trở xuống năm tạng là giới luật tạng thứ tự của Tiệm giáo cũng tức là giáo của Tam tạng, Thập Trụ tạng là giáo của Phương Đăng, Tạng tạng là Thông giáo, Kim cương tạng là Biệt giáo, Phật tạng là Viên giáo. Tuy nhiên, ý Phật rất khó mà lường xét, nên chỉ so chiếu qua lại làm ra sự hội nhập chung này...

Hỏi: Danh nghĩa của bốn giáo lưu xuất ra từ kinh nào?

Đáp: từ phẩm Hạnh của Trường A Hàm. Phật ở thôn Thi-xá-bà phía bắc thành Viên Di để nói bốn giáo lớn tức là từ Phật mà nghe, từ chúng hòa hợp nhiều Tỳ kheo mà nghe, từ một vị Tỳ-kheo mà nghe. Đây gọi là “bốn giáo lớn”. Phẩm thứ sáu trong kinh Nguyệt Đăng Tam muội nêu ra có bốn loại Tu-đa-la. Nghĩa là các hành, chê trách, phiền não, thanh tịnh? Nếu riêng giải thích để hiểu thì các hành là pháp nhân duyên sanh, tức nghĩa của Tam tạng giáo, chê trách là thể biết tội lỗi tức nghĩa của Thông giáo; phiền não là “không đi vào biển cả thì không được châu báu”. Nếu không có phiền não thì không có trí tuệ tức là nghĩa của Biệt giáo, thanh tịnh là đã nêu ra một thứ tịnh tương xứng tên, mà tự nhiên tùy ý có “ngã, thường, lạc” v.v... tức nghĩa của Viên giáo. Lại nữa mỗi giáo đều có đủ bốn Tu-đa-la: các hành là “tập đế” quả của các hành là “khổ đế”, các hành đối trị để đối trị phiền não là “đạo đế”, các hành thanh tịnh là “diệt đế”. Như vậy trong Tam tạng đều đầy đủ bốn Tu-đa-la. Lại nữa, các hành chê trách là “tập đế”, các cội chê trách là “khổ đế”, đối trị phiền não chê trách là “đạo đế”, sự thanh tịnh của chê trách là “diệt đế”. Đây là trong Thông giáo có đủ bốn Tu-đa-la. Lại nữa, các hành phiền não là “tập đế”, các cội phiền não là “khổ đế”, hành phiền não bị quả trách là “đạo đế”, phiền não thanh tịnh là “diệt đế”. Đây là trong Biệt giáo có đầy đủ bốn Tu-đa-la. Lại nữa, Niết-bàn tức sanh tử là Khổ đế thanh tịnh, Bồ-đề tức phiền não là Tập đế thanh tịnh, phiền tức Bồ-đề là Đạo đế thanh tịnh, sanh tử tức Niết-bàn là Diệt đế thanh tịnh. Đây là trong Viên giáo có đầy đủ bốn Tu-đa-la. Kinh kia lại nêu ra bốn luận, bốn pháp, bốn cảnh giới, bốn môn, bốn trí đoạn

phiền não, bốn khổ, bốn tập, bốn đạo đều cùng tương ứng với bốn giáo, đầy đủ như kinh kia nên biết. Địa thứ bảy trong Địa luận nói “một niệm, tâm đều có đủ mười Ba-la-mật, bốn nhiếp pháp, ba mươi bảy phẩm trợ đạo và bốn nhà” Nay giải thích “bốn nhà” như sau: nhà Bát-nhã, nhà Đế, nhà xả bỏ phiền não, nhà khổ thanh tịnh. Theo quan điểm riêng thì ước định vào “khổ đế” làm môn ban đầu: tu phẩm đạo khiến khổ trở nên thanh tịnh tức là nghĩa của Tam tạng. Nhà xả bỏ phiền não tức là đạt được thể vô tướng làm xả bỏ như sắc là không, dùng không xả bỏ vô tướng mà luận “tu phẩm đạo” tức nghĩa của Thông giáo. Nhà Bát-nhã: trí Bát-nhã chiếu soi các pháp nêu rõ hằng sa pháp môn thấy đều thông đạt mà tu “phẩm đạo” tức là nghĩa của Biệt giáo. Nhà Đế: đế tức là lý Thật tướng, tức thuộc Viên giáo. Nếu ước định ở Thật tướng mà tu “phẩm đạo” thì đầy đủ như Luận kia nói v.v... Đạt-ma-uất-đa-la giải thích nghĩa của “giáo tích” rằng: giáo là lời nói chỉ dạy của Phật mang xuống mọi loài. Tích là dấu vết, cũng là dấu vết của Ứng thân, hóa thân. Nói “Thánh nhưn ban bố giáo đều có chỗ quy về” nhưng các nhà phán quyết giáo rất nhiều. Có người cho rằng: “Một đời nói pháp của Thích Ca không ra ngoài Tiệm giáo và Đốn giáo. Tiệm giáo có bảy cấp độ, năm thời, mà đời cùng truyền bá ai ai cũng công nhận. Lại nói rằng: nói năm thời thì sao có thể được nhất định? Chỉ từ rừng Song Thọ trở về trước là hữu dư không rõ nhưng xướng lên Niết-bàn để lấy đó làm rõ. Lại nói “một âm của Phật báo cho muôn chúng sanh, đại thừa lẫn tiểu thừa đều thọ nhận thì sao có thể dùng Tiệm giáo và Đốn giáo, nên nhất định phán quyết không có Tiệm giáo và Đốn giáo”. Nay xét kỹ kinh luận thì đều là xuyên tạc! Vì sao? Vì có người cho rằng Phật giáo không vượt ra ngoài Tiệm giáo và Đốn giáo nhưng thật sự Tiệm và Đốn giáo thu nhiếp giáo không hết như bốn bộ A Hàm, năm bộ giới luật. Nếu giáo chưa cùng tột sâu xa thì chưa được gọi là Đốn giáo và tuyên nói “thủy, chung” lại không cùng với thứ đệ của đại thừa làm Tiệm giáo. Đây tức là Đốn, Tiệm không thu nhiếp, thì sao được cho rằng Phật giáo không thoát ra khỏi Đốn giáo và Tiệm giáo! Tuy nhiên, không thể không có Đốn giáo, cũng không được hoàn toàn phá bỏ, vì sao? Vì luận về Đốn giáo và Tiệm giáo là tùy thuộc vào sự thực hành. Nếu căn cứ ở Như lai thì thật sự tiểu thừa và đại thừa đều phô diễn ra, không có thời gian trước sau. Nhưng người thực hành giác ngộ hiểu bất đồng nên tự có thọ nhận Đốn hoặc Tiệm mà nhập vào, và tùy chỗ nghe pháp mà kiết tập thì sao được nói không có Đốn giáo! Chỉ không thể nhất định thời tiết ấy để so sánh sự sâu cạn ấy! Có người nói trong Tiệm giáo có bảy

cấp, năm thời nên cho rằng Phật ban đầu thành đạo vì ĐỀ-vị-Ba-lợi thuyết năm giới, mười điều thiện thuộc môn giáo của trời người. Tuy nhiên, Phật tuy theo chúng sanh thích nghi nghe liền nói thì sao được chỉ giới hạn vào thời ban đầu vì hai người mà thuyết năm giới! Lại nữa, trong kinh Năm giới nêu ra hai trưởng giả đạt được “pháp nhẫn không khởi”, ba trăm người được “tín nhẫn”, hai trăm người đạt được quả Tu-đà-hoàn, trong kinh Phổ Diệu nêu ra Phật thọ ký cho hai trưởng giả với danh hiệu “Mật thành Như Lai “. Nếu như vậy, nói ban đầu Phật vì hai người mà nói nghĩa Môn giáo của trời người thì căn cứ vào đâu? Lại nữa hai vị trưởng giả thấy Phật nghe pháp rồi lễ Phật mà lui ra nhưng không hưởng đến Lộc Uyển. Khi đầu tiên thuyết năm giới thì chưa giáo hóa Trần Như vậy cùng ai kế tiếp mà gọi là Tiệm giáo! Có người cho rằng: trong mười hai năm thuộc thời giáo thứ hai thì chuyên nói Biệt giáo của Ba thừa. Nếu như vậy, quá mười hai năm, nếu có chúng sanh thích ứng nghe về Tứ đế, Nhân duyên, Lục độ đâu thể Phật không nói! Nếu nói đây là giáo riêng biệt của ba thừa thì không chỉ có ở trong mười hai năm. Nếu Phật không nói thì một giai đoạn sau chúng sanh thích ứng nghe sao có thể Phật không giáo hóa! Nhất định không có lý này. Kinh nói “vì Thanh văn mà nói Tứ đế cho đến nói Lục độ” tức là không chỉ dừng lại ở mười hai năm. Bởi vì trong một đời Phật tùy theo người nghe tức liền nói đó thôi! Như bốn bộ A Hàm, năm bộ luật là đều vì Thanh văn mà thuyết, cho đến Thánh diệt độ tức là sự việc ấy. Cho nên Kinh Tăng Nhất nói: Trong mười hai năm, đức Thích Ca lược thuyết giới, sau do nhiều lỗi lầm khởi lên nên Phật rộng chế. Kinh Du hành Trường A Hàm nói cho đến Niết-bàn thì sao có thể cho rằng tiểu thừa gói gọn trong mười hai năm! Có người nói trong ba mươi năm thuộc thời giáo thứ ba Phật thuyết “Không” tông tức Bát-nhã, Duy Ma, Tư Ích, vậy nương vào văn kinh nào mà biết ba mươi năm? Nói bốn mươi năm sau đức Phật thuyết một thừa của Pháp Hoa thì trong kinh Pháp Hoa, Di Lạc nói “Phật thành đạo cho đến nay mới hơn bốn mươi năm”. Tuy nhiên không thể nói Pháp Hoa quyết định ở sau kinh Đại Phẩm, vì sao? Luận Đại Trí nói “Tu-Bồ-đề ở trong hội Pháp Hoa nghe nói: chấp tay, cúi đầu đều được làm Phật” chính là vì nay hỏi nghĩa thoái lui. Nếu như vậy thì Đại Phẩm và Pháp Hoa trước sau đâu nhất định? Tuy nhiên, Đại Phẩm, Pháp Hoa và Niết-bàn với ba giáo sâu cạn khó có thể nói ngay. Vì sao? Vì Phật tánh của Niết-bàn cũng gọi là Bát-nhã, cũng gọi là một thừa nhưng một thừa là tông chỉ của Pháp Hoa. Lại nữa, Bát-nhã là chỗ nói của Đại Phẩm tức là nói rõ tánh, thì còn có gì chưa rõ ư? Trong Đại

Phẩm nói “Đệ nhất nghĩa không” và kinh Niết-bàn nêu ra “không” không có khác vì đều nói “sắc không cho đến Niết-bàn cũng không”. Lại nữa, Đại Phẩm nói “Niết-bàn chẳng phải huyễn hóa”, Duy Ma nói “Pháp thân lia năm ấm chẳng phải thường”, và Niết-bàn nêu ra “thuyết thường trụ” mà nói Niết-bàn là “bất không”. Vậy có gì khác mà tự sanh phân biệt nói “Duy Ma thiên lệch nêu ra thường trụ còn Đại Phẩm hoàn toàn nói đến không”? Có người cho rằng: các Thanh văn như A Nan v.v... ở trong hội Đại Phẩm, lại trải qua hội Pháp Hoa và sau cùng đến hội Niết-bàn cho nên biết Đại Phẩm, Pháp Hoa và Niết-bàn phải có nghĩa sâu cạn khác biệt. Điều này chưa hẳn như vậy, vì sao? Vì như A Nan, Ca Diếp nếu ở trong hội Pháp Hoa chưa nghe “thuyết thường trụ” thì ở trong hội Niết-bàn, hai người không có mặt thì do đâu hiểu biết được “thường trụ” mà lưu thông kinh Niết-bàn? Lại nữa, Xá lợi phất, diệt độ trước Phật Niết-bàn bảy ngày, Mục Kiền Liên bị ngoại đạo cầm gậy đánh chết, đều không có mặt ở Sa la song thọ, thì lẽ nào không biết được lý thường trụ của Kinh Niết-bàn ư? Tức là biết rằng trong hội Pháp Hoa đã ngộ “thường trụ” xong không cần phải nghe lại. Lại nữa các Thanh văn như Xá Lợi Phất v.v... đều là chúng có ảnh hưởng lớn của Như Lai. Như kinh Pháp Hoa nói “biết chúng ưa thích pháp nhỏ mà sợ ở trí lớn cho nên các Bồ-tát hiện làm Thanh văn, Duyên giác” Niết-bàn cũng nói “Trường tử trong pháp của Ta là Đại Ca Diếp còn A Nan học rộng có thể đoạn sạch tất cả nghi ngờ thì tự nhiên có thể hiểu rõ thường trụ và vô thường” cho nên biết người ảnh hưởng ở đại thừa thì là đại thừa, ở tiểu thừa thì là tiểu thừa, đâu có thể dựa trên con người đó để quyết định cấp bậc Tiệm giáo? Lại nữa từ sau Pháp Hoa đến nhập Niết-bàn thì trong kinh Pháp Hoa đã nêu rõ “vương cung chẳng phải mới mà Phật đã thành đạo từ lâu” thì đâu có lý do gì trong Niết-bàn mới dẫn nói “dưới đạo thọ mới thành Phật” để chấp thật mà nghi ngờ”? Cho nên biết chỉ là một đoạn chúng sanh khi nghe cuối cùng lý thường trụ tức là kinh Niết-bàn, và người nghe Pháp Hoa rồi không cần nghe Niết-bàn nữa. Lại nữa kinh Niết-bàn có lợi ích lớn như trong Pháp Hoa nói tám ngàn Thanh văn được thọ ký riêng mà thành tựu “quả thật lớn”. Nếu dùng việc được thọ ký ở Pháp Hoa để chứng minh lợi ích của Niết-bàn thì lý ấy đồng và giáo rõ ràng không có sâu, cạn. Lại nữa, trong Pháp Hoa Ưu-ba-đề-xá nêu ra lý Viên giáo của kinh Pháp Hoa là tốt bậc không có gì thiếu sót. Trong Đại Trí Độ, ca ngợi Pháp Hoa là rất thâm sâu” Nghĩa là: có gì kinh khác đều phó chúc cho A Nan nhưng chỉ có kinh Pháp Hoa phó chúc cho Bồ-tát? Do vậy, biết Pháp Hoa rất ráo viên

mãn chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Lại nữa, phải biết các kinh của đại thừa chỉ nơi trở về một hướng không có sai khác nhưng vì tùy nghi mà có khác! Như Hoa Nghiêm, Vô Lượng Nghĩa, Pháp Hoa đều gọi là Tam muội, Bát-nhã là đại trí tuệ, Duy Ma nói giải thoát không thể nghĩ bàn chính là giải thoát Đại Niết-bàn là “diệt cứu kính”, “Văn Thù hỏi Bồ-Đề” là đạo đầy đủ, thấy là Phật pháp không có hơn, kém ở trong đó nêu ra quả thì đều là Phật quả, nêu ra nhân thì đều là địa hành, nêu ra lý thì đều là pháp tánh, chỗ làm đều là Bồ-tát. Chỉ nơi trở về không nên có người khác nhau sao vì gương làm ra hơn, kém! Nếu như vậy thì Đản Công nói “từ Song Thọ trở về trước chỉ rõ kinh Pháp Hoa thấy đều không hiểu” (bất liễu nghĩa) há chẳng phải là lừa dối! Như tình đã như thế thì kinh Luận nói thế nào: Ma-đắc-lặc-già nói mười hai bộ kinh; trong đó, chỉ có bộ Phương Quảng là tạng Bồ-tát và mười một bộ còn lại đều thuộc tạng Thanh văn! Lại nữa, Phật vì Thanh văn, Bồ-tát mà nêu ra “khổ, đạo”. Các nhà Kiết Tập kinh chọn lấy phần Phật thuyết cho Bồ-tát làm Bồ-tát tạng, và nói cho Thanh văn làm Thanh văn tạng. Trong Đại Trí Độ, Long Thọ cũng nói “Đại Ca Diếp và A Nan ở tại núi Hương Sơn mà tuyển tập ba tạng làm Thanh văn tạng. Văn Thù và A Nan kiết tập Ma-ha-diễn làm Bồ-tát tạng”. Niết-bàn cũng nói “mười một bộ kinh là của Nhị thừa trì giữ, bộ Phương Đẳng là của hàng Bồ-tát trì giữ”. Đây là căn cứ vào kinh luận để lược nêu ra chỉ có hai loại: Thanh văn tạng và Bồ-tát tạng. Tuy nhiên, giáo ắt tùy vào người mà người phân biệt làm hai loại. Trong tạng Thanh văn có “Thanh văn quyết định” và Thanh văn thoái tâm Bồ-đề. Trong tạng Bồ-tát có bậc Đại sĩ Đốn ngộ và Bồ-tát Tiệm nhập. “Thanh văn quyết định” trong Thanh văn tạng là huân tập thiện căn khác biệt từ lâu nên tâm tiểu thừa nhỏ hẹp thấp kém mà trở thành tánh nhỏ hẹp chỉ thích pháp tiểu thừa nên Phật vì họ nói tiểu thừa, và họ cuối cùng chứng đắc không thể hưởng đến đại thừa. Thanh văn thoái tâm Bồ-đề là người từng ở chỗ Phật và Bồ-tát trong quá khứ đã phát tâm Bồ-đề nhưng vì trải qua sanh tử nên đánh mất “bản niệm” bèn sanh khởi tâm nhỏ hẹp, chí nguyện ham tiểu thừa nên Phật vì họ nói pháp tiểu thừa khiến sau cùng hưởng đến đại thừa. Như vậy, Thanh văn quyết định một hướng trụ ở quả tiểu thừa còn Thanh văn thoái tâm Bồ-đề, về sau có thể hưởng đến đại thừa. Tuy có bỏ có trụ lại nhưng căn cứ thời gian thọ nhận tiểu thừa là một cho nên đối với hai hạng người này mà nói Thanh Văn tạng. Người có khả năng Đốn ngộ trong Bồ-tát tạng là như các kinh Hoa Nghiêm v.v... nói người này vì các chúng sanh không do từ tiểu thừa dẫn đi đến, mà

một lúc vào ngay đại thừa nên gọi là Đốn ngộ. Từ Tiệm giáo mà nhập vào tức là Thanh văn thối tâm Bồ-đề trên đây, sau đó có thể nhập vào đại thừa. Do đại thừa từ tiểu thừa đi đến cho nên gọi là Tiệm tu. Tuy có Đốn và Tiệm bất đồng nhưng đều thọ nhận một xứ đại thừa cho nên đối với hai hạng người này như đã nói làm Bồ-tát tạng. Tuy nhiên hai tạng này tùy vào thực hành và tùy vào diễn thuyết ra. Trong tạng Thanh văn có Bồ-tát làm “ảnh hưởng” nhưng chẳng phải nói sự thực hành nên không thể theo Bồ-tát mà gọi kinh đại thừa. Trong tạng Bồ-tát cũng có người của Thanh văn nhưng chẳng phải chánh thức nói làm tông chỉ để thực hành, không nói pháp Thanh văn cho nên không thể gọi là pháp tiểu thừa. Căn cứ vào con người mà quyết định pháp thì mỗi mục đều không giống nhau, là vì chủ yếu thu nhiếp điều đó nên lược chỉ nêu ra hai loại.

Hỏi: Phật vì ba hạng người mà nói ba thứ giáo thì cứ sao phán quyết tạng chỉ có hai thứ?

Đáp: Phật vì người cầu ba thừa mà nói ba thừa pháp. Người nghe “nhân duyên” tức là Thanh văn. Bích chi Phật xuất hiện ở đời không gặp Phật chỉ hiện thân thông im lặng không nói cho nên người kiết tập kinh chỉ kiết tập thành hai tạng. Đây là do nương vào kinh để phán quyết giáo rồi dẫn đến nói như vậy. Bốn giáo nay và hai tạng của Đạt-ma gom thông suốt ra sao? Luận kia tự nói “chủ yếu thu nhiếp nên lược nêu ra hai loại”. Nay triển khai phân đó phán làm bốn giáo đó thôi! Thanh văn tạng tức là Tam tạng giáo. Bồ-tát tạng là Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo. Vì hạng Thanh văn quyết định” mà nói Tam tạng giáo, vì Thanh văn thối tâm Bồ-đề mà nói Thông giáo. Vì “Bồ-tát Tiệm ngộ” mà nói Biệt giáo, vì Bồ-tát Đốn, ngộ mà nói Viên giáo. Đây không chỉ là danh, số để dung thông mà ý nghĩa cũng sâu xa kết hợp xưa nay khế hợp làm một mà không có hai thứ. Chỉ có văn lược mà nghĩa rộng, giáo chỉ có một mà che phủ nhiều thứ. Nếu trình bày ẩn để khiến hiển lộ thì cần tạo ra nhiều “luận nghị”. Như săn thú, bắt các dùng dằm, kết nhiều bẫy nơm thì người săn bắt ấy há lại thí cho rộng nhiều ư?! Bất đắc dĩ nói rộng mà thôi! Sư nói “Tôi dùng năm chương sơ lược bàn về huyền nghĩa không phải là có khả năng trình bày lý diệu bên ngoài văn kinh, mà chỉ là thô thiển bộc bạch những ý tưởng ấp ủ từ lâu, nên thường ân hận nói không thể thỏa hết ý hướng hồ sự ghi lại mà có thể nói ra hết cả!

Tuy nhiên, nếu có thể tìm bẫy nghĩa kể đến thông suốt mười diệu, nghiên cứu bảy biệt thể, năm giáo, liên kết kế tiếp với nhau, rõ ràng như những thắt gút rồi dẫn kinh ấn định khiến mỗi câu xoay vòng hợp

lại. Đây chẳng phải thẳng bao quát các giáo mà chỉ tổng quát mẫn giáo và bán giáo mà thôi. Lại nữa, ngay ở sự thành quán, đào ở đất khô cằn của phàm phu mà thấy nước bùn của Thánh pháp, đạo viên thông ở nơi quán sự đầy mà thông suốt, sự tỏa sáng trên mọi tỏa sáng lại ở quán đầy mà chiếu sáng; nghĩa này đầy đủ ở trên nói rồi, còn nay tiêu dẫn văn ở sau.

